TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp tiền hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học;

2. Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ánh M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Văn L, sinh năm 1961;

Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1966 (vợ ông L);

Anh Văn V, sinh năm 1985 (con ông L, bà T).

Cùng trú tại: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bà M có mặt; ông L, bà T, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M trình bày yêu cầu khởi kiện:

Vợ chồng ông L, bà T và Văn V có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ hụi, loại hụi ai bỏ thăm cao thì được hốt hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng (tiền cò), cụ thể:

- Dây hụi khui ngày 15/12/2017 âl, hụi 10.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 34 chân, anh V và bà T tham gia 01 chân, đã hốt hụi vào kỳ khui thứ nhất, số tiền hốt hụi sau khi trừ hoa hồng (tiền cò) còn được nhận 205.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi anh V và bà T có đóng hụi chết đến ngày 15/12/2018 âl thì ngưng không đóng, hiện nay dây hụi này đã mãn vào tháng 7/2019, tính từ ngày ngưng đóng hụi đến ngày mãn hụi thì anh V và bà T còn nợ 07 kỳ bằng 70.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 15/4/2017 âl, hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 24 chân, vợ chồng ông L, bà T tham gia 01 chân và đã hốt hụi vào kỳ khui thứ ba ngày 15/6/2017 âl, số tiền hốt hụi sau khi trừ tiền cò còn được nhận 97.350.000 đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng ông L, bà T có đóng hụi chết đến kỳ 23 thì ngưng không đóng, nên còn nợ 01 kỳ bằng 5.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 30/5/2018 âl, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, gồm 34 chân, vợ chồng ông L, bà T tham gia 02 chân và đã hốt hụi xong 02 chân, số tiền hốt hụi sau khi trừ tiền cò còn được nhận 97.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng ông L, bà T có đóng hụi chết đến kỳ 15 thì ngưng không đóng, hiện nay dây hụi này đã mãn, nên tính từ ngày ngưng đóng hụi đến ngày mãn hụi thì vợ chồng ông L, bà T còn nợ 19 kỳ bằng 76.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 30/10/2018 âl, hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 24 chân, vợ chồng ông L, bà T tham gia 01 chân và đã hốt hụi vào kỳ khui thứ nhất ngày 30/10/2018 âl, số tiền hốt hụi sau khi trừ tiền cò còn được nhận 71.100.000 đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng ông L, bà T có đóng hụi chết được 02 kỳ, đến ngày 30/01/2019 thì ngưng không đóng, hiện nay dây hụi này chưa mãn, nhưng ông L và bà T cố tình không đóng hụi chết cho tôi nên tính từ ngày ngưng đóng hụi đến ngày mãn hụi thì vợ chồng ông L, bà T còn nợ 21 kỳ bằng 105.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ tiền hụi của bốn dây hụi trên là 256.000.000 đồng.

Hàng tháng đến ngày khui hụi bà M phải bỏ tiền ra đóng tràn hụi cho vợ chồng ông L, bà T và anh V với số tiền lớn vậy mà vợ chồng ông L, bà T và anh V không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà M, cố tình tránh né không đóng hụi và hiện nay vợ chồng ông L, bà T kêu bán nhà nhằm mục đích trốn trách nhiệm đóng hụi cho bà M.

Từ những lý do nêu trên, bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà T và anh V thanh toán tiền hụi còn nợ tính đến khi mãn hụi là 256.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng), theo nội dung đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 4 năm 2019 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn anh Văn V trình bày:

Vào ngày 15/12/2017 âl, tôi và mẹ tôi có nhận tiền chưng hụi 10.000.000 đồng, gồm 30 chưng, tôi và mẹ tôi hốt hụi kỳ đầu với tổng số tiền hốt hụi là 207.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi cứ đến ngày 15 âl mỗi tháng đóng hụi chết 10.000.000 đồng, sau đó đóng không nổi nên ngưng không đóng hụi và nợ lại cô M những kỳ hụi còn lại.

Dây hụi khui ngày 15/12/2017 âl, tôi có tham gia cùng mẹ tôi (bà T) còn những dây hụi khác tôi không biết giữa hai người lại qua lại nhiều chưng hụi đến như vậy. Phần hụi của tôi tham gia cùng mẹ tôi thì tôi chấp nhận trả cho cô Ánh M tại vì tôi có ký tên nhận số tiền hụi đó. Hiện tại tôi gặp khó khăn về vấn đề tiền bạc mong cô M thông cảm chia ra số tiền để tôi có khả năng trả khoảng nợ còn lại.

Bị đơn ông Văn L và bà Nguyễn Thu T, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định ông L và bà T không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 03 lần nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T và anh V thanh toán tiền hụi còn nợ tính đến khi mãn hụi là 256.000.000 đồng. Trong đó yêu cầu anh V và bà T cùng liên đới thanh toán 70.000.000 đồng; yêu cầu ông L và bà T cùng liên đới thanh toán 186.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn vợ chồng ông Văn L, bà Nguyễn Thu T và anh Văn V.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Bà M khởi kiện vợ chồng ông Văn L, bà Nguyễn Thu T và anh Văn V nợ tiền hụi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp tiền hụi.

[2] Áp dụng pháp luật: Tòa án thụ lý ngày 13 tháng 3 năm 2019 nên áp dụng Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường để giải quyết; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M đối với anh V và bà T: Bà M yêu cầu anh V và bà T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng, đây là tiền hụi chết còn nợ của 01 chân hụi trong dây hụi khui ngày 15/12/2017 âl, hụi 10.000.000 đồng. Phía bị đơn bà T Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà T không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà M và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên được xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Mặt khác, anh V có văn bản thể hiện anh V và bà T có tham gia 01 chân hụi trong dây hụi khui ngày 15/12/2017 âl, hụi 10.000.000 đồng, gồm 34 chân, đã hốt hụi vào kỳ khui thứ nhất. Sau khi hốt hụi cứ đến ngày 15 âl mỗi tháng đóng hụi chết 10.000.000 đồng, sau đó đóng không nổi nên ngưng không đóng hụi và nợ lại cô M những kỳ hụi còn lại nên đồng ý thanh toán khoảng nợ còn lại cho cô Ánh M. Chứng cứ là khi giao tiền hụi thì anh V và bà T có ký nhận vào giấy giao nhận tiền hụi (bút lục số 05). Như vậy, có cơ sở xác định anh V và bà T sau khi hốt hụi không đóng hụi chết đầy đủ cho bà M nên bà M khởi kiện là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông L và bà T: Bà M yêu cầu ông L và bà T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hụi còn nợ là 186.000.000 đồng, đây là tiền hụi chết còn nợ của 04 chân hụi trong các dây hụi khui ngày 15/4/2017 âl, hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 30/5/2018 âl, hụi 2.000.000 đồng và khui ngày 30/10/2018 âl, hụi 5.000.000 đồng. Phía bị đơn ông L và bà T

Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông L và bà T không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà M và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên được xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Chứng cứ là khi giao tiền hụi của các chân hụi thì ông L và bà T có ký nhận vào các giấy giao nhận tiền hụi (bút lục số 03, 04, 06). Như vậy, có cơ sở xác định ông L và bà T sau khi hốt hụi không đóng hụi chết đầy đủ cho bà M nên bà M khởi kiện là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh V, bà T và ông L, bà T chậm thanh toán tiền thì hàng tháng anh V, bà T và ông L, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận toàn bộ nên anh V và bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 70.000.000 đồng là 3.500.000 đồng; Ông L và bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 186.000.000 đồng là 9.300.000 đồng.

Bà M không phải chịu án phí, bà M có dự nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 17, 23, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc khởi kiện vợ chồng ông Văn L, bà Nguyễn Thu T và anh Văn V yêu cầu thanh toán tiền hụi. Buộc anh Văn V và bà Nguyễn Thu T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M tổng số tiền hụi 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Buộc ông Văn L và bà Nguyễn Thu T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M tổng số tiền hụi 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh V, bà T và ông L, bà T chậm thanh toán tiền thì hàng tháng anh V, bà T và ông L, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh V và bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp là 3.500.000 đồng; Ông L và bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp là 9.300.000 đồng.

Bà Nguyễn Ánh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, có dự nộp tiền tạm ứng án phí là 6.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016365 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo